

Bản án số: **507/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/9/2024

V/v “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Loan.

2. Ông Trần Đức Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 233/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2024 về việc: “Tranh chấp về ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Kim T, sinh năm 1992;

Địa chỉ thường trú: Số 1570/292 đường Võ Văn K, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 418/10/5 đường Lê Văn T, Phường N, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Lâm Hoàng P, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 1570/292 đường Võ Văn K, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Trịnh Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Lâm Hoàng P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2024; Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Lâm Hoàng P quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận F (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2015 ngày 30/3/2015).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chuyển về sống chung với gia đình chồng tại địa chỉ số 1570/292 đường Võ Văn K, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Phong không còn quan tâm đến chị, không phụ giúp chị chăm sóc con cái, kinh tế của gia đình thì khó khăn nên mâu thuẫn giữa chị và anh Phong ngày càng trầm trọng, mặt khác lối sống trong gia đình chồng quá khác biệt nên vợ chồng chị thường bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Đỉnh điểm là khoảng tháng 4/2024, chị ở nhà sinh em bé, công ty của chị nợ lương, tiền thai sản cũng không có, kinh tế gia đình lại đang khó khăn nên vợ chồng chị cũng hay mâu thuẫn nên chị có đề nghị với anh Phong là chị sẽ dọn ra ngoài sống một thời gian để xác định lại tình cảm của mình nhưng anh Phong không đồng ý nên có gọi các em chồng vào khuyên ngăn. Khi đó, em dâu có lên phòng nói chuyện với chị nhưng chị không đồng ý đuổi ra nên có lời qua tiếng lại rồi em dâu có đánh chị, anh Phong có vào can ngăn nhưng không đứng ra bênh vực chị làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị. Qua sự việc đó, chị cảm thấy chồng và gia đình chồng không còn yêu thương chị, cũng không hỏi han xem chị có sao không nên chị càng quyết tâm dọn ra khỏi nhà chồng. Cuối tháng 4/2024, chị cảm thấy cuộc sống tại nhà chồng không còn thoải mái, cuộc hôn nhân của chị không còn hạnh phúc và cảm thấy không an toàn khi sống cùng gia đình chồng nên chị dẫn theo con là Lâm Hoàng Mỹ K về nhà cậu tại địa chỉ số 418/10/5 đường Lê Văn T, Phường N, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng chị không gặp nhau, không nói chuyện với nhau, cũng không điện thoại hỏi thăm, quan tâm hay chia sẻ với nhau. Nay chị cảm thấy không còn tình cảm với anh P, cuộc hôn nhân của chị và anh P cũng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Hoàng P.

- Về con chung: Chị và anh Lâm Hoàng P có 02 con chung tên là Lâm Hoàng Minh K, sinh ngày 19/01/2016 và Lâm Hoàng Mỹ K, sinh ngày 17/11/2023. Do con Lâm Hoàng Mỹ K còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Còn trẻ Lâm Hoàng Minh K đang sống cùng ba và bà nội nên chị đồng ý giao con tên Lâm Hoàng Minh K cho anh Lâm Hoàng P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị tự khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn Lâm Hoàng P đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nhưng đều có tình vắng mặt

không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn là chị Trịnh Thị Kim T có đơn xét xử vắng mặt, không có thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn là anh Lâm Hoàng P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không có kiến nghị gì;

-Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Kim T và anh Lâm Hoàng P tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6 cấp ngày 30/3/2015 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung là Lâm Hoàng Minh K, sinh ngày 19/01/2016 và Lâm Hoàng Mỹ K, sinh ngày 17/11/2023. Do trẻ Lâm Hoàng Mỹ K còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ nên giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Đối với trẻ Lâm Hoàng Minh K đang sống cùng cha và trẻ có đơn trình bày nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng cha nên giao trẻ Lâm Hoàng Minh K cho anh Lâm Hoàng P có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lâm Hoàng P dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến cho lời khai và hòa giải nhưng vẫn không đến nên không ghi nhận được ý kiến.

Bởi các lẽ trên;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị Kim T được ly hôn với anh Lâm Hoàng P.

Về con chung: Giao trẻ Lâm Hoàng Mỹ K, sinh ngày 17/11/2023 cho chị Trịnh Thị Kim T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và giao trẻ Lâm

Hoàng Minh K, sinh ngày 19/01/2016 cho anh Lâm Hoàng P chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Kim T thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Trịnh Thị Kim T đối với bị đơn anh Lâm Hoàng P có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Bị đơn anh Lâm Hoàng P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Kim T và anh Lâm Hoàng P có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng theo quy định là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Theo nguyên đơn chị Trịnh Thị Kim T trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh thời gian dài, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị là khi chị nghỉ sinh con thứ hai, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn, anh Phong thì không quan tâm đến vợ, không phụ giúp chị chăm sóc con cái. Mặt khác lối sống giữa chị và gia đình chồng có nhiều khác biệt, mẹ chồng không thích chị nên giữa chị T và gia đình chồng cũng có mâu thuẫn với nhau. Cuối tháng 4/2024, khi xảy ra xô xát giữa chị và em chồng thì chị cảm thấy cuộc sống ở gia đình chồng không còn hạnh phúc, không còn an toàn, không còn ai yêu thương nên chị mới dọn về nhà cậu ruột ở và vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh P nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Phía bị đơn anh Lâm Hoàng P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Ngày 29/5/2024, Tòa án nhân dân Quận 6 có ban hành công văn số 02/2024/TAQ6 về việc xác minh tình trạng hôn nhân của anh Lâm Hoàng P và chị Trịnh Thị Kim T; Theo công văn số 538/UBND ngày 18/6/2024 của UBND Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh về việc hỗ trợ xác minh tình trạng hôn nhân của ông Lâm Hoàng P và bà Trịnh Thị Kim T có phúc đáp như sau: “*Hiện tại Ủy ban phường chưa tiếp nhận và giải quyết trường hợp mâu thuẫn nào đối với ông Lâm Hoàng P và bà Trịnh Thị Kim T*”.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*” nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị T và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh P không có trách nhiệm với vợ, con, hai bên không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau, cùng vun đắp cho cuộc sống gia đình. Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng chị T và anh P hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ cũng như để lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của anh P nhưng anh vắng mặt không lý do, do vậy Tòa án không tiến hành ghi nhận lời khai, hòa giải được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[6]. Về con chung: Chị Trịnh Thị Kim T và anh Lâm Hoàng P có 02 con chung tên Lâm Hoàng Minh K, sinh ngày 19/01/2016 và Lâm Hoàng Mỹ K, sinh ngày 17/11/2023. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con Lâm Hoàng Mỹ K cho đến khi thành niên và giao con Lâm Hoàng Minh K cho anh Lâm Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy theo lời trình bày của chị T thì bé Lâm Hoàng Mỹ K là con gái, lại còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần sự quan tâm trực tiếp, sâu sát từ người mẹ. Do đó, vì lợi ích về mọi mặt của trẻ, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lâm Hoàng Mỹ K, sinh ngày 17/11/2023, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Theo nguyện vọng của cháu Lâm Hoàng Minh K (đã đủ 7 tuổi) là được chung sống với cha vì hiện nay cháu đang sống cùng cha và bà nội. Mặt khác, theo chị T trình bày bé Lâm Hoàng Minh K đang học tập tại Quận 6 và cháu cũng có nguyện vọng được ở với cha, cuối tuần thì mẹ sẽ đón bé về ngoại để chơi cùng em. Vì vậy, việc chị Trịnh Thị Kim T đồng ý giao bé Lâm Hoàng Minh K, sinh ngày 19/01/2016 cho cha là anh Lâm Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

[7]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Thị Kim T tự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Kim T và anh Lâm Hoàng P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 189 và khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Kim T đối với anh Lâm Hoàng P.

2. Về con chung: Giao trẻ Lâm Hoàng Minh K, sinh ngày 19/01/2016 cho anh Lâm Hoàng P và giao trẻ Lâm Hoàng Mỹ K, sinh ngày 17/11/2023 cho chị Trịnh Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Ghi nhận việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Các bên phải tạo mọi điều kiện cho nhau khi đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con, khi cần thiết thì một hoặc cả hai bên đều có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Thị Kim T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm nộp án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009904 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Trịnh Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

5. Giấy chứng nhận kết hôn 31, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/3/2015 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình